

Bản án số: **28/2024/DS-ST**

Ngày: 26/4/2024

*V/v “Tranh chấp hợp đồng  
cấp thẻ tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Mỹ Dung

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Lương  
Ông Đặng Công Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Cán bộ Tòa án nhân dân  
quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng  
tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành  
phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 434/2023/TLST- DS  
ngày 11 tháng 12 năm 2023; về việc “*Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng*” theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 434/QĐXXST-DS ngày 18/3/2024 và Quyết  
định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các  
đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: Số B N, phường V, quận C,  
thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D,  
Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình V,  
Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ – Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh S1 tham gia  
tổ tụng theo giấy ủy quyền 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022, giấy ủy quyền số  
171/2023/GUQ-CNSH ngày 29/5/2023 và giấy ủy quyền số 172A/2023/GUQ-  
CNSH ngày 29/5/2023, ông V có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; Địa chỉ: K T, phường H, quận  
H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Đình V trình bày:*

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, Bà Nguyễn Thị M có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 2.188.954.526 đồng. Lãi suất áp dụng 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 2.084.456.908 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau đó, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 26/7/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2023 là 205.443.584đ (trong đó nợ gốc 200.467.964đ, nợ lãi quá hạn 4.975.620đ và buộc bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/8/2023 đến khi trả dứt điểm nợ vay. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 253.613.285đ (trong đó: nợ gốc: 188.467.964đ, nợ lãi: 65.145.321đ và buộc bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký ngày 16/6/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị M để cung cấp bản tự khai và tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị M vắng mặt không có lý

do, không nộp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu:* Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến; tại phiên tòa bị đơn bà M vắng mặt lần hai là đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 253.613.285đ (trong đó: nợ gốc: 188.467.964đ, nợ lãi: 65.145.321đ và buộc bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký ngày 16/6/2021.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng thế tín dụng ngày 16/6/2021. Bị đơn có địa chỉ tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị M vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 16 tháng 6 năm 2021, Bà Nguyễn Thị M có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 2.188.954.526 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: : 2.084.456.908đồng và sau đó bà M không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo thỏa thuận với Ngân hàng. Do đó Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2024 là: 253.613.285đ (trong đó: nợ gốc: 188.467.964đ, nợ lãi: 65.145.321đ và buộc bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký ngày 16/6/2021

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thì thấy: Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 16/6/2021 được ký kết giữa các bên là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết. Bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà M sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn như đã thỏa thuận tại Điều 24 của Bản Điều khoản. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2024 là: 253.613.285đ (trong đó: nợ gốc: 188.467.964đ, nợ lãi: 65.145.321đ và buộc bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký ngày 16/6/2021 ( bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 16/6/2021 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4]. Đối với bà Nguyễn Thị M không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự nên phải chịu hoàn toàn hậu quả pháp lý.

[5]. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể là: 253.613.285 đồng x 5% = 12.680.664 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 351, 401, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng*" của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

#### **Tuyên xử:**

Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là: 253.613.285đồng(*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba triệu sáu trăm mười ba ngàn hai trăm tám mươi lăm đồng.*). Trong đó: (trong đó: nợ gốc: 188.467.964đ, nợ lãi(tạm tính đến ngày 26/4/2024): 65.145.321đ

Bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2024 đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/6/2021 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đến khi thanh toán xong nợ.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: 12.680.664đồng (*Mười hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*) bà Nguyễn Thị M phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 5.136.090đ (*Năm triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm chín mươi đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000062 ngày 29/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Mỹ Dung**